

QUY ĐỊNH

về việc thi nâng ngạch đối với cán bộ, công chức Ngành Kiểm tra của Đảng năm 2018

- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quy định số 26-QĐ/TW, ngày 19-7-2016 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Trung ương Khóa XII;
- Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17-4-2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Căn cứ Kế hoạch số 161-KH/BTCTW, ngày 09-8-2018 của Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan, đơn vị của Đảng, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2018;

Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung, hình thức thi nâng ngạch công chức từ ngạch kiểm tra viên lên ngạch kiểm tra viên chính (*sau đây viết tắt là kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên chính*), từ ngạch kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp (*sau đây viết tắt là kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp*) Ngành Kiểm tra Đảng năm 2018 như sau:

Điều 1. Đối tượng dự thi

1. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên chính

- Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A) làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng có trách nhiệm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những phần việc chuyên môn nghiệp vụ khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong cơ quan ủy ban kiểm tra đảng ở cấp tỉnh và tương đương trở lên;
- Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ở cấp huyện và tương đương hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A) kể cả trường hợp được

điều động, luân chuyển về giữ chức danh bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn và tương đương.

2. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp

- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A) làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ở một hoặc một số địa phương, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những phần việc chuyên môn nghiệp vụ khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

- Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và tương đương: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm thường trực, phó chủ nhiệm là tỉnh ủy viên hoặc tương đương, phó chủ nhiệm được quy hoạch chức danh là người đứng đầu các ban, ngành cấp tỉnh và tương đương trở lên hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A).

- Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương là cán bộ được điều động, luân chuyển về cấp huyện và tương đương từ những chức danh được dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp ở cấp tỉnh và tương đương (nêu trên).

Điều 2. Điều kiện dự thi

Người dự thi phải có đủ các điều kiện sau:

- Cơ quan quản lý cán bộ, công chức có nhu cầu về vị trí việc làm của ngạch dự thi;

- Được cơ quan sử dụng cán bộ, công chức đánh giá có đủ năng lực về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của ngạch dự thi; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; trong 3 năm liên tục tính đến thời gian đăng ký dự thi được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn dự thi

1. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên chính

Tại thời điểm nộp hồ sơ, người đăng ký dự thi phải có đủ các văn bằng, chứng chỉ như sau:

a) Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

b) Về trình độ lý luận chính trị: Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp người dự thi có bằng cử nhân chính trị do hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hoặc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trước đây cấp, được xác định là bằng chuyên môn và vận dụng đủ tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị.

c) Về trình độ ngoại ngữ (*một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức*), có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (cấp trước ngày 16/3/2014).

d) Về trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11-3-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên (cấp trước ngày 28/4/2014).

e) Về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn, có các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc bằng Cử nhân hành chính trở lên;

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra Đảng.

g) Về tham gia biên soạn văn bản, nghiên cứu khoa học

Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định

của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: dự án Luật, Nghị quyết của Quốc hội, dự án Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

h) Về thời gian giữ ngạch:

Có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày **15-11-2018**.

2. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp

Tại thời điểm nộp hồ sơ, người đăng ký dự thi phải có đủ các văn bằng, chứng chỉ như sau:

a) Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

b) Về trình độ lý luận chính trị: Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền.

c) Về trình độ ngoại ngữ (*một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức*), có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT trở lên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C trở lên (cấp trước ngày 16/3/2014).

d) Về trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương hoặc có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên (cấp trước ngày 28/4/2014).

e) Về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn, có các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính;

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra Đảng.

g) Về tham gia biên soạn văn bản, nghiên cứu khoa học: Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: dự án Luật, Nghị quyết của Quốc hội, dự án Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Về thời gian giữ ngạch: Có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên, trong đó có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày **15-11-2018**.

Điều 4. Nội dung, hình thức thi

1. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên chính

a) Môn kiến thức chung: Thi viết về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Ngành.

+ Thời gian thi 180 phút;

+ Đề thi được cơ cấu gồm 03 phần với thang điểm 100 được phân chia như sau: 60 điểm cho nội dung kiến thức chung; 20 điểm cho nội dung kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành kiểm tra; 20 điểm cho nội dung liên hệ thực tế.

b) Môn chuyên môn nghiệp vụ và tin học văn phòng:

+ Thi trắc nghiệm trên máy tính thời gian thi 45 phút,

+ Mỗi đề thi gồm 50 câu hỏi với thang điểm 100 được cơ cấu như sau: 40 câu hỏi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ; 05 câu hỏi kiến thức tin học; 05 câu hỏi kiến thức về thời sự;

+ Mỗi câu hỏi có 04 phương án để thí sinh lựa chọn (A,B,C,D) trong đó chỉ duy nhất có một phương án đúng;

+ Phần mềm sẽ tự động trộn ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thành từng đề thi cho từng thí sinh tham dự thi trên máy tính.

c) Môn ngoại ngữ: Thi viết để kiểm tra kiến thức ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 một trong 05 ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc), thời gian 90 phút.

2. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp

a) Môn kiến thức chung: Thi viết về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Ngành.

+ Thời gian thi 180 phút;

+ Đề thi được cơ cấu gồm 03 phần với thang điểm 100 điểm được phân chia như sau: 60 điểm cho nội dung kiến thức chung; 20 điểm cho nội dung

kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành kiểm tra; 20 điểm cho nội dung liên hệ thực tế.

- b) Môn chuyên môn nghiệp vụ: Thi viết đề án và bảo vệ đề án
 + Thời gian viết đề án 01 ngày (8 tiếng), thang điểm 100 điểm;
 + Thời gian bảo vệ đề án 30 phút/người, thang điểm 100 điểm.

Người dự thi sẽ rút thăm trong 10 chuyên đề để viết đề cương, đề án chi tiết (*từ 12 đến 15 trang*) cho mỗi chuyên đề.

- c) Môn ngoại ngữ:

Thi viết đề kiểm tra kiến thức ngoại ngữ ở trình độ bậc 4 một trong 05 ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc), thời gian 90 phút, thang điểm 80 điểm; thời gian phỏng vấn 15 phút/người, thang điểm 20 điểm.

- d) Môn tin học văn phòng:

Thi trắc nghiệm trên máy vi tính về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11-3-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; thời gian thi 45 phút.

Điều 5. Điều kiện miễn một số môn thi trong kỳ thi nâng ngạch

1. Môn ngoại ngữ

- a) Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên chính:

Người dự thi được miễn thi ngoại ngữ khi có một trong các điều kiện sau:

- Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ, tính đến ngày **31-12-2018**;
- Đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số và sử dụng thành thạo tiếng dân tộc thiểu số, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;
- Là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;
- Có bằng đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;
- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 (*khung Châu Âu*) trở lên theo quy định tại Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15-02-2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT,

ngày 07-5-2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT*) còn trong thời hạn 02 năm tính đến ngày **15-11-2018**, do các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp chứng chỉ (*được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận*);

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 01-10-2011 trở lại đây (*theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15-5-2014 về ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, đạt trình độ ngoại ngữ ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo khung Châu Âu*);

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 01-01-2012 trở lại đây (*theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, ngày 07-05-2009 về ban hành quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15-02-2012, trước khi bảo vệ luận án có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo khung Châu Âu*).

b) Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp:

Người dự thi được miễn thi ngoại ngữ khi có một trong các điều kiện sau:

- Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ, tính đến ngày **31-12-2018** đang công tác tại các địa phương (*trừ Cơ quan Trung ương và 5 thành phố trực thuộc Trung ương: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ*);

- Có bằng đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 (khung châu Âu) trở lên theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, còn trong thời hạn 02 năm tính đến ngày 15-10-2018, do các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp chứng chỉ (*được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận*);

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 01-01-2012 trở lại đây (*theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, ngày 07-05-2009 về ban hành quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15-02-2012, trước khi bảo vệ luận án có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo khung Châu Âu*).

2. Môn tin học

Người dự kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp được miễn thi môn tin học nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ

thông tin trở lên.

Điều 6. Cách tính điểm và nguyên tắc xác định người trúng tuyển

1. Cách tính điểm

a) Bài thi được chấm theo thang điểm 100.

b) Kết quả thi nâng ngạch để xác định người trúng tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thi đủ các bài thi của các môn thi theo quy định;

b) Có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên (kể cả bài thi môn ngoại ngữ và môn tin học nếu không được miễn thi);

c) Có kết quả thi nâng ngạch tính theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp, cho đến hết chỉ tiêu nâng ngạch năm 2018 của cơ quan quản lý cán bộ, công chức đã được thông báo.

Trường hợp nhiều người có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng của cơ quan quản lý cán bộ, công chức; Chủ tịch Hội đồng thi có văn bản trao đổi với cơ quan quản lý công chức để quyết định người trúng tuyển ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng này.

d) Đối với các chức danh sau đây nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và đạt kết quả điểm các môn thi đều đạt từ 50 điểm trở lên đều được xác định trúng tuyển cụ thể như sau:

- Đối với kỳ thi nâng ngạch kiểm tra viên chính: Phó Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy (cấp tỉnh) kể cả các trường hợp được điều động, luân chuyển giữ chức danh phó bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương; phó vụ trưởng và tương đương trở lên ở Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Đối với kỳ thi nâng ngạch kiểm tra viên viên cao cấp: Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và tương đương là Ủy viên Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và tương đương trở lên; Vụ trưởng và tương đương ở Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Việc bổ nhiệm ngạch đối với các chức danh, chức vụ nêu trên theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- a) Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2c-TCTW-/98), có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức;
- b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức theo các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 29, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại cán bộ công chức hàng năm của 3 năm gần nhất;
- c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi và miễn thi theo quy định này (được chứng thực);
- d) Bản sao các quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn...; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;
- e) Bản sao các quyết định lương của hai bậc lương gần nhất, quyết định được điều động, tiếp nhận về cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp và quyết định bổ nhiệm vào ngạch kiểm tra của Đảng. Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi người được bỏ vào một bì đựng riêng.

Điều 8. Chỉ tiêu nâng ngạch năm 2018

1. Chỉ tiêu nâng ngạch kiểm tra viên chính:

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương: Mỗi đơn vị không quá 04 chỉ tiêu. Riêng đối với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy Hà Nội, Tỉnh ủy Nghệ An, Tỉnh ủy Thanh Hóa mỗi đơn vị không quá 06 chỉ tiêu.
- Đối với Đảng ủy Khối các Cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và Đảng ủy Ngoài nước: Mỗi đơn vị không quá 02 chỉ tiêu.

- Đối với Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Không quá 15 chỉ tiêu.

2. Chỉ tiêu nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp:

- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: Mỗi đơn vị không quá 01 chỉ tiêu.
- Đối với Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Không quá 07 chỉ tiêu.

3. Thực hiện nguyên tắc cạnh tranh: Số cán bộ, công chức đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi phải nhiều hơn số chỉ tiêu thông báo. Trường hợp số người dự thi thực tế bằng hoặc ít hơn chỉ tiêu được

thông báo thì sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu nâng ngạch để đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh (trừ trường hợp chỉ có 01 người dự thi).

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức

1. Cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức có trách nhiệm thông báo công khai, kịp thời trong các đơn vị thuộc phạm vi quản lý về các nội dung nêu tại Quy định này và thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi tại cơ quan, đơn vị đề cán bộ, công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký tham dự kỳ thi.

2. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm và chỉ tiêu nâng ngạch cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức cử cán bộ, công chức dự thi đảm bảo theo nguyên tắc cạnh tranh (trừ trường hợp chỉ có 01 người dự thi).

3. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên chính

Cơ quan, đơn vị có văn bản cử cán bộ, công chức dự thi kèm danh sách trích ngang (*theo biểu mẫu gửi kèm quy định này*) và danh sách cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Hồ sơ của người dự thi do cơ quan, đơn vị quản lý công chức lưu giữ, quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt.

4. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên kiểm tra viên cao cấp

Cơ quan, đơn vị có văn bản cử cán bộ, công chức dự thi kèm theo danh sách trích ngang (*theo biểu mẫu gửi kèm quy định này*), hồ sơ đăng ký dự thi của cán bộ, công chức và danh sách cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Để thống nhất cơ sở dữ liệu, đề nghị các cơ quan, đơn vị lập danh sách trích ngang, hồ sơ của người dự thi (*lên kiểm tra viên cao cấp*) đúng biểu mẫu gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng) trước ngày **25-10-2018** và đồng thời gửi qua hộp thư điện tử: Đặng Hải Quang@ubkttw trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng hoặc ubkttw@cpt.gov.vn trên Internet (đúng File Excel, font chữ Times New Roman). Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan, đơn vị chưa có văn bản cử cán bộ, công chức dự thi thì được hiểu là không có nhu cầu dự thi. Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi danh sách, hồ sơ cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch về Vụ Tổ chức - Cán bộ theo thời gian như trên để Hội đồng Sơ tuyển của Cơ quan xem xét, quyết định cử tham dự các kỳ thi.

Tài liệu ôn thi, các thông tin phục vụ kỳ thi sẽ được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trên Internet tại địa chỉ www.ubkttw.vn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, đồng chí Trần Quốc Hùng, Vụ trưởng, điện thoại: 080.45526; 0912.620.588; đồng chí Phạm Thanh Long, Phó Vụ trưởng, điện thoại: 080.45780; 0912.352.689).

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ nhiệm (để b/c),
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Ban Tổ chức TW, Bộ Nội vụ (để phối hợp),
- Các đ/c Thành viên UBKTTW,
- Đ/c Thư ký Chủ nhiệm,
- Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các vụ, đơn vị trực thuộc CQ UBKTTW,
- Trang thông tin điện tử UBKTTW (để đăng tải),
- Lưu: VT-LT, Vụ ĐT-BD (3b).

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**



Bùi Thị Minh Hoài

Tên đơn vị:



DANH SÁCH CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐUỠ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH LÊN NGẠCH NĂM 2018

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi						Số đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Thời gian công tác trong Ngành
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Bồi dưỡng Nghiệp vụ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

Ghi chú: Mẫu báo cáo này áp dụng đối với các kỳ thi nâng ngạch công chức Ngành Kiểm tra Đảng theo Quy định của Ủy ban kiểm tra Trung ương.

....., ngày tháng 10 năm 2018
T/M BAN THƯƠNG VỤ